

## HƯỚNG DẪN

**Về việc thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên đại học hệ chính quy trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2021;

Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với SV là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với SV là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐT ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng trường về công tác cán bộ lãnh đạo của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh hướng dẫn về việc thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên đại học hệ chính quy cụ thể như sau

### **1. Các quy định chung về miễn, giảm học phí**

- Việc miễn, giảm học phí cho sinh viên được thực hiện tại trường nơi sinh viên đang học tập. Nhà nước thực hiện cấp bù học phí trực tiếp cho nhà trường để nhà trường thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí.

- Việc cấp bù học phí căn cứ số lượng người học thực tế thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí và mức thu học phí dùng để tính tiền miễn, giảm học phí của Nhà nước (mức cấp bù học phí căn cứ theo mức trần học phí được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ).

- Trường hỗ trợ phần chênh lệch giữa mức học phí thực thu của Trường (theo chương trình chuẩn) với mức học phí dùng để tính tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí của Nhà nước cho các đối tượng thuộc diện chính sách miễn, giảm học phí. Phần còn lại người học phải đóng (áp dụng đối với hệ đào tạo chất lượng cao).

- Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí phải nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định để được nhà trường xét, cho hưởng chế độ miễn, giảm học phí.

- Việc xét miễn, giảm học phí cho sinh viên được tiến hành theo học kỳ. Sinh viên hoàn tất hồ sơ xét miễn, giảm học phí ở học kỳ nào thì được hưởng chính sách ở học kỳ đó. Không giải quyết truy hưởng chính sách của các học kỳ trước.

- Chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí đối với các môn học lần đầu và trong khung chương trình đào tạo.

- Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí mà cùng một lúc học ở nhiều trường thì chỉ được hưởng chính sách miễn, giảm học phí tại một trường duy nhất.

- Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí mà cùng một lúc học 2 ngành đào tạo thì chỉ được hưởng chính sách miễn, giảm học phí tại ngành đào tạo thứ nhất.

- Không áp dụng chính sách miễn, giảm học phí đối với sinh viên thuộc diện được miễn, giảm trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở đào tạo, nay tiếp tục học tại trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM, cùng cấp và trình độ đào tạo.

- Các đối tượng thuộc diện được miễn giảm học phí theo quy định này mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

- Mức miễn, giảm học phí cho SV hệ chất lượng cao bằng mức học phí thực thu của Trường (theo chương trình chuẩn). Phần chi phí cơ sở vật chất và dịch vụ chất lượng cao không được miễn, giảm.

### **2. Đối tượng được miễn học phí**

a. Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng đang theo học tại trường, bao gồm người có công với cách mạng và thân nhân

người có công với cách mạng (cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, người có công nuôi liệt sĩ), cụ thể:

- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;
- Liệt sĩ;
- Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh;
- Bệnh binh;
- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;
- Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày;
- Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế;
- Người có công giúp đỡ cách mạng.

b. Sinh viên khuyết tật.

c. Sinh viên từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, cụ thể:

- Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- Mẹ cô cả cha và mẹ;
- Mẹ cô cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- Mẹ cô cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- Mẹ cô cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết

định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

d. Sinh viên học tại giáo dục đại học là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

đ. Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành, cụ thể các dân tộc: *Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bó Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ.*

Các đối tượng khác theo được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ không được đào tạo tại trường nên không đưa vào hướng dẫn này.

### **3. Đối tượng được giảm học phí**

a. Đối tượng được giảm 70% học phí: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (*theo phụ lục đính kèm*).

b. Đối tượng được giảm 50% học phí: SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

### **4. Đối tượng được trợ cấp xã hội**

a. Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao (có hộ khẩu thường trú ít nhất từ 3 năm trở lên ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, tính đến thời điểm vào học tại trường đào tạo).

b. Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.

c. Sinh viên là người tàn tật, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

d. Sinh viên có hoàn cảnh thuộc diện hộ nghèo, vượt khó học tập (Xếp loại học tập học kỳ từ khá trở lên).

Mức trợ cấp xã hội theo tháng nhân với 6 tháng/học kỳ:

- 140.000 đồng/tháng đối với đối tượng (a).

- 100.000 đồng/tháng đối với các đối tượng còn lại (b,c,d).

### **5. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập**

- Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, thi đỗ vào học đại học,

cao đẳng hệ chính quy (trừ SV: cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học).

- Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/SV; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

#### **6. Hồ sơ xét miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập:**

Để được hưởng chính sách, sinh viên nộp 01 (một) bộ hồ sơ gồm:

- Đơn xét hưởng chính sách miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập (theo mẫu của trường);

- Bản sao giấy khai sinh;

- Bản sao minh chứng thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập (theo phụ lục đính kèm).

Sinh viên nộp bản sao có công chứng giấy tờ nói trên, hoặc có thể mang bản chính để đối chiếu. Thời gian chứng thực chưa quá một năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

#### **Lưu ý:**

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập làm hồ sơ nộp một lần trong suốt thời gian học. Riêng đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo phải nộp bổ sung Sổ (Giấy) chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho từng học kỳ để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập.

- Sinh viên diện miễn, giảm học phí tạm dừng học tập, khi xin học trở lại phải làm đơn xin tiếp tục hưởng chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập (đơn theo mẫu chung và ghi rõ lý do là tạm dừng, nay xin học trở lại).

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí được phép đóng học phí bổ sung (phần chênh lệch giữa mức cấp bù của nhà nước và học phí thực thu của nhà trường) ở đợt 2 mà không bị kỷ luật về vi phạm đóng học phí ở đợt 1.

#### **7. Tổ chức thực hiện**

a. Thời gian và địa điểm sinh viên nộp hồ sơ xét miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập:

- Học kỳ I: Sinh viên nộp hồ sơ tại văn phòng Khoa trong thời gian từ đầu học kỳ I đến hết tháng 9 hàng năm.

- Học kỳ II: Sinh viên nộp hồ sơ tại văn phòng khoa/TT quản SV trong thời gian từ đầu học kỳ II đến hết tháng 3 hàng năm.

b. Trách nhiệm của các đơn vị.

- Các Khoa quản lý sinh viên: Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và lập danh sách từng diện chính sách, kèm hồ sơ gốc chuyển về phòng Tuyển sinh và Công tác SV trong thời gian sau 15 ngày hết hạn thu hồ sơ với mỗi học kỳ.

- Phòng Tuyển sinh và Công tác SV: Chủ trì việc xét hồ sơ miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập; trình Hiệu trưởng danh sách sinh viên được miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập từng học kỳ.

- Phòng Kế hoạch - Tài chính: Chủ trì việc thực hiện nhận kinh phí cấp bù học phí; chi trả tiền trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập và thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên.

c. Hiệu lực thi hành

- Hướng dẫn này có hiệu lực thi hành từ học kỳ I/2021-2022 và thay thế các văn bản hướng dẫn đã ban hành trước đây.

- Hướng dẫn này được phổ biến đến các đơn vị và sinh viên biết để thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Hội đồng trường (để biết);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Các đơn vị (để thực hiện);
- Sinh viên toàn trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, TS&CTS.V.



**Phụ lục 1****Danh mục thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo**

*(Kèm theo Hướng dẫn số 85/HD-ĐHSPKT ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh)*

-----

**CÁC VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH DANH MỤC VÙNG, ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI KHÓ KHĂN VÀ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

- Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020.

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

- Các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có).

-----

## Phụ lục 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN XÉT HƯỞNG**

**Chính sách miễn, giảm học phí; trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập**

**Kính gửi: Ban Giám hiệu trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh**

Tôi tên là: \_\_\_\_\_ Ngày sinh: \_\_\_\_\_

Mã số SV: \_\_\_\_\_ Lớp: \_\_\_\_\_

Điện thoại liên hệ: \_\_\_\_\_ Khoa: \_\_\_\_\_

*Sinh viên đánh dấu (X) vào diện chính sách của bản thân trong bảng sau đây:*

**A. Diện Miễn Giảm học phí:**

TT	MÃ CS	TÊN CHÍNH SÁCH	X
1	CLS	Con Liệt sĩ	
2	CAH	Con của Anh hùng lực lượng VTND; Anh hùng LĐ trong thời kỳ kháng chiến	
3	CTB	Con thương binh	
4	CNTB	Con của người được hưởng chính sách như Thương binh	
5	CBB	Con bệnh binh	
6	CDHH	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
7	KHUYETTAT	Sinh viên bị khuyết tật	

TT	MÃ CS	TÊN CHÍNH SÁCH	X
8	MOCOI	Sinh viên mồ côi cả cha, mẹ	
9	DT-HN	Sinh viên là dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo	
10	DT-IN-KK	Sinh viên là dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện KT-XH khó khăn	
11	DT-VĐBKK	Sinh viên là dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn	
12	CMTAINAN	Cha, mẹ là công nhân, viên chức bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	

**B. Diện Trợ cấp xã hội**

TT	MÃ CS	TÊN CHÍNH SÁCH	X
1	DT-VC	Sinh viên là dân tộc thiểu số thường trú ở Vùng cao	
3	TANTAT41	SV tàn tật và gặp khó khăn về kinh tế	

TT	MÃ CS	TÊN CHÍNH SÁCH	X
2	MOCOI	Sinh viên mồ côi cả cha, mẹ	
4	HN-HG	Sinh viên thuộc hộ nghèo, vượt khó học tập	

Kính đề nghị Ban Giám hiệu cho tôi được xét hưởng miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội theo quy định hiện hành của nhà nước.

**Giấy tờ kèm theo:**

1. \_\_\_\_\_
2. \_\_\_\_\_
3. \_\_\_\_\_
4. \_\_\_\_\_

Duyệt của Ban chủ nhiệm khoa

Ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm 20\_\_  
Người làm đơn

*ng*



## Phụ lục 3

## HƯỚNG DẪN HỒ SƠ ĐÌNH KÈM THEO ĐƠN

TT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ CẦN CÓ <i>(ban sao có công chứng)</i>
1.	Con Liệt sĩ	1. Giấy khai sinh 2. Giấy chứng nhận do Phòng LĐ TB-XH cấp huyện cấp
2.	Con của Anh hùng lực lượng VTND; Anh hùng LĐ trong thời kỳ kháng chiến	1. Giấy khai sinh 2. Giấy chứng nhận do Phòng LĐ TB-XH cấp huyện cấp
3.	Con thương binh	1. Giấy khai sinh 2. Giấy chứng nhận do Phòng LĐ TB-XH cấp huyện cấp; Hoặc Thẻ Thương binh của người được hưởng chính sách
4.	Con của người được hưởng chính sách như Thương binh	1. Giấy khai sinh 2. Giấy chứng nhận do Phòng LĐ TB-XH cấp huyện cấp; Hoặc Thẻ Thương binh của người được hưởng chính sách
5.	Con bệnh binh	1. Giấy khai sinh 2. Giấy chứng nhận do Phòng LĐ TB-XH cấp huyện cấp; Hoặc Thẻ Bệnh binh của người được hưởng chính sách
6.	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1. Giấy khai sinh 2. Giấy chứng nhận do Phòng LĐ TB-XH cấp huyện cấp
7.	Sinh viên bị khuyết tật	1. Giấy khai sinh 2. Giấy xác nhận Khuyết tật do UBND cấp xã cấp
8.	Sinh viên mồ côi cả cha, mẹ	1. Giấy khai sinh 2. Giấy Chứng tử của cha và mẹ; hoặc giấy xác nhận do UBND cấp xã cấp
9.	Sinh viên là dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo	1. Giấy khai sinh 2. Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo do UBND cấp xã cấp; Hoặc Sổ hộ nghèo hoặc cận nghèo.
10.	Sinh viên là dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện KT-XH khó khăn	1. Giấy khai sinh 2. Sổ hộ khẩu thường trú; hoặc Giấy xác nhận của cơ quan Công an về đăng ký thường trú.
11.	Sinh viên là dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện KT-XH đặt biệt khó khăn	1. Giấy khai sinh 2. Sổ hộ khẩu thường trú; hoặc Giấy xác nhận của cơ quan Công an về đăng ký thường trú.
12.	Cha, mẹ là công nhân, viên chức bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	1. Giấy khai sinh 2. Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của Cha hoặc Mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp do tai nạn lao động.
13.	Sinh viên là dân tộc thiểu số thường trú ở Vùng cao	1. Giấy khai sinh 2. Sổ hộ khẩu thường trú; hoặc Giấy xác nhận của cơ quan Công an về đăng ký thường trú.

14.	SV tàn tật và gặp khó khăn về kinh tế	1. Giấy xác nhận Khuyết tật do UBND cấp xã cấp 2. Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo do UBND cấp xã cấp; Hoặc Sổ hộ nghèo hoặc cận nghèo.
15.	Sinh viên thuộc hộ nghèo, vượt khó học tập	1. Bảng điểm học kỳ gần nhất của sinh viên 2. Giấy xác nhận hộ nghèo do UBND cấp xã cấp; Hoặc Sổ hộ nghèo.